TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/DS-ST
Ngày: 28-8-2025
V/v Tranh chấp về thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhàn;

2. Ông Đặng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc "tranh chấp về thừa kế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962 (theo giấy khai sinh là 08/10/1961, theo Căn cước công dân là 20/8/1961); địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T (nay là xã M), tỉnh Đồng Tháp; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N: Ông Bùi Quốc N1, sinh năm 1981; Luật sư - Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C; địa chỉ: số D khóm M, thị trấn M, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; có mặt;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956 (theo giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Ngọc B1, sinh năm 1951, theo căn cước công dân ngày 02/01/1955); địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; có mặt;

- Bà Nguyễn Thị Ả, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; có mặt;

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; vắng mặt;

- Ông Nguyễn Trần Minh T1, sinh năm 2002; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T (nay là xã M), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Trần Minh T1: Ông Bùi Quốc N1, sinh năm 1981; địa chỉ: số D khóm M, thị trấn M, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2025); có mặt;

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 (theo căn cước công dân sinh năm 1973); địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang, tạm trú đường D, khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã K, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giáng; có mặt;

- Bà Nguyễn Thị V (Nguyễn Thị V1), sinh năm 1977; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; vắng mặt;

- Nguyễn Trọng T2 (Nguyễn Trung T3), sinh năm 2002; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; vắng mặt;

- Nguyễn Văn M (Nguyễn Duy M1), sinh năm 2011. Người đại diện hợp pháp của cháu M1: cha là Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; có mặt, mẹ là Nguyễn Thị V (Nguyễn Thị V1) , sinh năm 1977; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; vắng mặt;

- Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ1- Chi nhánh khu vực liên xã C); địa chỉ: đường T, thị trấn C, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; người đại diện vắng mặt;

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ1; địa chỉ: H, T, phường B, thành phố L (nay là phường B), tỉnh An Giang; người đại diện vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt;

- Văn phòng C2; địa chỉ: Số B, đường T, ấp T, thị trấn P, huyện P (nay là phường P), tỉnh An Giang; người đại diện vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt;

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2; địa chỉ: số A P, phường C, quận P,

Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng là ông Phạm Hữu T4 – Giám đốc Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 – Chi nhánh A – Phòng G1; địa chỉ: khóm L, thị trấn C, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền số 18/2025/QĐ-TGĐ ngày 16/02/2025); người đại diện vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt;

- Ông Bùi Thanh H1, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Cha bà N là ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2008), mẹ là bà Trương Thị X (chết năm 2008). Cha mẹ có 09 người con là Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ả, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn S. Sinh thời ông Y, bà X đã tạo lập được và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích khoảng 6.918m^2 đất, loại ĐM, căn nhà sàn bằng gỗ thao lao, vách ván, mái lợp ngói chiều ngang khoảng 6m, chiều dài khoảng 18m gắn liền với đất tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Ngoài ra, trên đất còn có nhà mồ, mộ cha mẹ và ông S diện tích khoảng 500m^2. Nhà và đất hiện do ông H cùng vợ và các con quản lý sử dụng và trồng rẫy. Trước khi ông Y, bà X chết thì ông bà không lập di chúc để lại phần di sản của ông bà cho bất cứ ai. Sau khi ông Y, bà X, do hoàn cảnh khó khăn nên bà N có yêu cầu chia di sản của cha mẹ để lại và nhận đất để canh tác, nhưng ông H không đồng ý. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật như sau: đối với căn nhà gắn liền với diện tích đất ngang 6m dài 18 m = 96m^2 không yêu cầu chia mà dùng để làm nơi thờ cúng cha mẹ và diện tích đất nhà mồ, mộ cha, mẹ, ông S khoảng 500m^2. Tổng diện tích không yêu cầu là 500m^2, còn lại diện tích khoảng 6.322m^2 yêu cầu chia thành 09 kỹ phần bằng nhau, mỗi kỹ phần là 702m^2, bà N yêu cầu được nhận hiện vật là diện tích đất 702m^2. Ước lượng giá trị đất là 1.000.000đồng/m^2. Sau khi có kết quả đo đạc, theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C1 lập ngày 17/6/2024 đo vẽ, thể hiện diện tích đất đang tranh chấp là 5.318m^2, thuộc thửa số 66, 67, tờ bản đồ số 03 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 29/01/2024. Bà N khởi kiện bổ sung, với yêu cầu Tòa án chia diện tích đất 5.318m^2, thành 09 kỷ phần, phần bà N được hưởng là 590m^2, yêu cầu được nhận giá trị đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CN05908 cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 29/01/2024, lý do đây là di sản của cha, mẹ để lại, khi ông H kê khai cấp quyền sử dụng đất không được sự đồng ý ký tên của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trần Minh T1 trình bày: Ông bà nội ông T1 là ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2008), mẹ là bà Trương Thị X (chết năm 2008). Ông bà nội chung sống với nhau có 09 người con gồm: Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ả, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N2,

Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn S (chết năm 2002). Ông T1 là con ruột của ông S, do ông S chết trước ông Y, bà X, nên ông T1 là người thừa kế thế vị. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật diện tích đất là 5.318m^2 (2.218m^2 + 3.100m^2), thuộc thửa số 66, 67, tờ bản đồ số 03, thành 09 kỷ phần, phần ông T1 được hưởng là 590m^2, yêu cầu được nhận giá trị đất. Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CN05908 cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 29/01/2024, lý do đây là di sản của ông bà nội để lại, khi ông H kê khai cấp quyền sử dụng đất không được sự đồng ý ký tên của ông T1. Ông T1 không tranh chấp đối với phần đất diện tích 860m^2, 953m^2 và các diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm diện tích 683m^2 và diện tích 786m^2.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trần Minh T1 là ông Bùi Quốc N1 trình bày: Ông Trọng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện là yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất, phần đất yêu cầu chia đã được Ủy ban huyện C cấp giấy chứng nhận cho ông nội là cụ Nguyễn Văn Y; theo kết quả đo đạc thể hiện phần đất thuộc giấy chứng nhận đã cấp cho ông Nguyễn Văn H cho nên yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông H để trả về di sản và đề nghị phân chia di sản thừa kế theo pháp luật, ông T1 xin được hưởng giá trị theo kết quả thẩm định giá.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Cha là ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2008), mẹ là bà Trương Thị X (chết năm 2008). Cha mẹ có 09 người con là Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ả, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn S,cha mẹ không có nhận con nuôi, khi cha cò sống có di nguyện cho ông B và ông thứ 10 (Đ) là mỗi người 01 công ông S, ông N2 mỗi người nữa công còn các chị em gái thì không cho. Vì vậy, bà N và Cháu T1 khởi kiện chia thì ông H không đồng ý chia và đề nghị Tòa án công nhận cho được hưởng toàn bộ phần đất; đối với giấy đất thì đang thế chấp tại ngân hàng để vay số tiền là 200.000.000đồng, vay có thời hạn, trả lãi 03 một lần, hiện tại đang trả lãi đúng hạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956 (theo giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Ngọc B1, sinh năm 1951 trình báy: ông B1 nhận được Thông báo của Tòa án về việc bà N và cháu T1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản, ông B1 xác định: Cha là ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2008), mẹ là bà Trương Thị X (chết năm 2008). Cha mẹ có 09 người con là Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ả, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn S,cha mẹ không có nhận con nuôi, hiện tại bà N và Cháu T1 khởi kiện ông H để chia thừa kế thì ông B không tranh chấp vì ông B đã được cho phần đất chỗ khác rồi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 (theo căn cước công dân sinh năm 1973) trình bày: ông Đ nhận được Thông báo của Tòa án về việc bà N và cháu T1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản, ông Đ xác định: Cha là ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2008), mẹ là bà

Trương Thị X (chết năm 2008). Cha mẹ có 09 người con là Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ả, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn S,cha mẹ không có nhận con nuôi, hiện tại bà N và Cháu T1 khởi kiện ông H để chia thừa kế thì ông Đ không tranh chấp vì ông Đ đã được cho phần đất chỗ khác rồi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: bà T nhận được Thông báo của Tòa án về việc bà N và cháu T1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản, bà Ả xác định: Cha là ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2008), mẹ là bà Trương Thị X (chết năm 2008). Cha mẹ có 09 người con là Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ả, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn S,cha mẹ không có nhận con nuôi, hiện tại bà N và Cháu T1 khởi kiện ông H để chia thừa kế thì bà T không tranh chấp vì bà T có ký tên trong văn bản mà ông H đăng ký quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ả trình bày: Bà Ả nhận được Thông báo của Tòa án về việc bà N và cháu T1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản, bà Ả xác định: Cha là ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2008), mẹ là bà Trương Thị X (chết năm 2008). Cha mẹ có 09 người con là Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ả, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn S,cha mẹ không có nhận con nuôi, hiện tại bà N và Cháu T1 khởi kiện ông H để chia thừa kế thì bà Ả không tranh chấp vì bà Ả đã được cho phần đất để cất nhà rồi.

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ1 có công văn số 476 ngày 23/4/2025: Khu đất có diện tích 6.918m2 đất ĐM tọa lạc xã T, huyện C do ông Nguyễn Văn Y quản lý, sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 00028QSDĐ/fB được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 09/5/1990. Do ông Nguyễn Văn Y mất nên những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Y lập Văn bản phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất nêu trên. Tại Văn bản phân chia di sản thừa kế được Văn phòng C2 chứng nhận cùng ngày 12/12/2023 thì ông Nguyễn Văn H được toàn quyền sử dụng đất và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 22/01/2024, Văn phòng Đ1 - Chi nhánh C1 chính lý biến động việc để thừa kế trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H, tăng 213m^2 do thay đổi hệ thống bản đồ. Ngày 29/01/2024, Văn phòng Đ1 - Chi nhánh C1 đã cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành DN 381046 (số vào sổ CN05908) cho ông Nguyễn Văn H. Căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ quy định Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận, xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam. Tại khoản 1 Điều 2 quy định kèm theo Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của Ủy ban nhân dân

tỉnh về việc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đăng ký đất tỉnh An Giang thì Chi nhánh Văn phòng Đ1 thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 95, khoản 3 Điều 105 của Luật Đất đai cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền dụng đất ở tại Việt Nam. Do đó, việc Văn phòng Đ1 - Chi nhánh C1 thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn H là đúng trình tự, tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật. Nay Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang xin phép được vắng m trong suốt quá trình xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa và thực hiện xét xử vắng mặt Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 có công văn số 6/2025/CMI ngày 23/4/2025: Ngày 26/04/2017 Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 – Chi Nhánh A - Phòng G1 cùng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V đã ký kết hợp đồng vay số tiền: 200.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm triệu đồng). Thời hạn: 12 tháng, ngày vay: 28/02/2025 đến hạn 28/02/2026. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DN 381046, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CNO5908 do Văn Phòng Đ1 cấp ngày 29/1/2024. Địa chỉ TSTC : Xã T, Huyện C, Tỉnh An Giang; Mô tả tài sản thế chấp Thửa số: 7,66,67,24 Tờ bản đồ số: 3 Diện tích đất: 7,131 m^2 (Bằng chữ : bảy nghìn một trăm ba mươi mốt mét vuông). Hình thức sử dụng: riêng : 7.131m^2 ; chung :Không m^2. Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác Thời gian sử dụng: 15/10/2063. Nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế đất được Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất. Khi thế chấp, đã được 2 bên ký kết hợp đồng thế chấp số K.O131/TC24 ký ngày 29/03/2024, và đã được công chứng tại Văn phòng C3, số công chứng: 1248, quyển số 01/2024/TP/CC - SCC/HĐGD ngày 29/03/2O24. Và đã được đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2098 quyển số 01 tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh C1 ngày 29/03/2024.

Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 – Chi Nhánh A - Phòng G1 đã ký kết cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V vay có tài có sản thế chấp nêu trên, thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Ngân hàng không có ý kiến về tranh chấp, không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành DN 381046, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CN05908 do Văn Phòng Đ1 cấp ngày 29/1/2024 diện tích 7.131m^2 thuộc thửa số 7,66,67,24 tờ bản đồ số 3 khu dất tọa lạc tại Xã T, Huyện C, Tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V nếu muốn nhận lại giấy tờ gốc của tài sản thì phải thanh toán hết nợ vay cho ngân hàng. Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 trình bày ý kiến của ngân hàng đến Tòa án, đề nghị xử lý vụ kiện theo đúng qui định pháp luật.

Văn phòng C2 có văn bản tường trình ghi ngày 08/5/2025, trình bày: Văn phòng C2, địa chỉ tại số B đường T, TT P, huyện P, An Giang. tụng Văn phòng C2 được Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xác định tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án Tranh chấp về thừa kế theo Thông báo về việc đưa cơ quan vào tham gia tố (số 382D/TB-TA ngày 14/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn H. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Văn phòng Công chứng, tôi xin trình bày nội dung sự việc liên quan đến vụ án như sau:

Theo hồ sơ lưu trữ thì Văn phòng C2 có chứng nhận Văn bản phân chia di sản thừa kế số 1001/2023 quyển số 01 TP/CC-SCC/TPTS ngày 12/12/2023 về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1930, chết ngày 18/02/2016 theo giấy trích lục tử số: 22/TLKT-BS, do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 19/12/2016 nơi cư trú cuối cùng: xã T, huyện C, An Giang và bà Trương Thị X, sinh năm 1932, chết ngày 03/11/2003 theo giấy chứng từ số: 86/2009, quyển số: 01, do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 05/05/2009 nơi cư trú cuối cùng: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Di sản thừa kế là toàn bộ quyền sử dụng đất căn cứ theo: "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số A 049084 số vào sổ 00028QSDĐ/fB do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09/05/1990, mang tên Nguyễn Văn Y với số tờ bản đồ 01; số thửa124, 3938, 3937; Địa chỉ xã T, huyện C, tỉnh An Giang; Diện tích 6918 m (sáu nghìn chín trăm mười tám mét vuông); Mục đích sử dụng dát DM. Theo đó hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Y và bà Trương Thị X do ông Nguyễn Văn H kê khai gồm: Bà Nguyễn Thị T (con ông Y và bà X), sinh năm: 1964, CCCD số 089.164.006.865 cấp ngày 01/04/2022 tại Cục C4 về TTXH, thường trú: ấp T, xã T, huyện C, An Giang. Ông Nguyễn Ngọc B1 (con ông Y và bà X), sinh năm: 1955, CCCD số 089.055.009.813 cấp ngày 12/08/2021 tại Cục C4 về TTXH, thường trú: ấp T, xã T, huyện C, An Giang. Ông Nguyễn Văn H (con ông Y và bà X), sinh năm: 1976, CCCD số 089.076.014.573 cấp ngày 12/08/2021 tại Cục C4 về TTXH, thường trú: ấp T, xã T, huyện C, An Giang. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1901 (cha ông Y), chết năm 1982. Bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1902 (mẹ ông Y), chết năm 1983. Ông Trương Văn T5, sinh năm 1910 (cha bà X), chết năm 2000. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1911 (mẹ bà X), chết năm 1989. (Các ông bà đều lớn tuổi nêu trên, không có giấy khai tử, có ảnh mộ bia căn cứ theo tờ tường trình do Ban N3, xã T ký ngày 28/11/2023).

Nay Văn phòng C2 có ý kiến trình bày như sau: Đối với việc chứng nhận Văn bản phân chia di sản thừa kế nêu trên thì Văn phòng C2 đã thực hiện đúng và đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, trong đó có tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang về nội dung phân chia, người thừa kế, di sản thừa kế, người nhận di sản thừa kế của ông

Nguyễn Văn Y và bà Trương Thị X nhưng Văn phòng Công chứng không nhận được khiếu nại hay tố cáo nào từ các cá nhân và tổ chức.

Tại Mục V của Văn bản phân chia di sản nêu trên có nêu: "Chúng tôi - những người có tên nêu trên xin cam đoan rằng những điều mà chúng tôi đã khai là hoàn toàn đúng sự thật, không khai man, không bỏ sót, không giấu thừa kế. Nếu sai hoặc sau này có ai khiếu nại và chứng minh được họ là người thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Văn Y và bà Trương Thị X thì chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản do ông Nguyễn Văn Y và bà Trương Thị X để lại (nếu có). Di sản nêu trên không bị tranh chấp, không được dùng để đảm bảo một nghĩa vụ nào khác; Những thông tin ghi trong văn bản này là đúng sự thật; Những thỏa thuận phân chia cam đoan đã xem xét, tìm hiểu kỹ về tình trạng pháp lý cũng như thực tế và xác nhận đối tượng của văn bản là có thật, không đề nghị công chứng viên xác minh hoặc giám định Văn bản này do Những người thỏa thuận phân chia tự nguyện lập, và việc thỏa thuận phân chia nêu trên không nhằm trốn tránh thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác"

Đồng thời tại Văn bản cam kết không bỏ sót người thừa kế số 4344/2023. Quyển số 01 - SCT/CK, ĐC ngày 12 tháng 12 năm 2023, ông Nguyễn Văn H - người nhận di sản thừa kế có cam kết về người thừa kế như sau: "Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Ngoài những người có tên nói trên, cha, mẹ tôi không nhận ai làm cha mẹ nuôi, con nuôi, và cũng không có chồng, vợ, con nào khác phải nhìn nhận. Đồng thời tôi cũng cam kết trong trường hợp phát hiện ra người thừa kế của cha, mẹ tôi bị bỏ sót thì với tư cách là người nhận di sản thừa kế, tôi sẽ đồng ý bồi hoàn giá trị kỷ phần thừa kế mà người thừa kế bị bỏ sót được hưởng, Tôi xin cam đoan không bỏ sót người thừa kế nào thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ tôi, những lời khai trên là sự thật và đầy đủ, nếu có gian dối tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật"

Đối với nội dung tranh chấp của người khởi kiện thì Văn phòng C2 không có ý kiến và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật. Do tính chất của công việc, người đại diện của Văn phòng C2 yêu cầu vắng mặt.

Luật sư Bùi Quốc N1 trình bày ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N: Bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất, phần đất yêu cầu chia đã được Ủy ban huyện C cấp giấy chứng nhận cho cha là Nguyễn Văn Y; theo kết quả đo đạc thể hiện phần đất thuộc giấy chứng nhận đã cấp cho ông Nguyễn Văn H. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông H để trả về di sản và đề nghị phân chia di sản thừa kế theo pháp luật, bà N được hưởng giá trị theo kết quả thẩm định giá.

Kết quả đo đạc thể hiện, cụ thể: Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C1 lập ngày 17/6/2024: Diện tích đất 3.100m^2 nối các điểm 7, 8, 9,10,11 thuộc thửa 66, tờ bản đồ 03, loại đất BHK; Diện tích đất 2.218m^2 nối các điểm 3,4,5,6 thuộc thửa 67, tờ bản đồ 03, loại đất BHK. Theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 ngày 29/01/2024 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp cho ông Nguyễn Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 609, 610, 611, 649, 651, 660 và 688 Bộ luật Dân sự, xem xét:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Trần Minh T1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 29/01/2024.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Trần Minh T1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Xác định di sản của cụ ông Nguyễn Văn Y, cụ bà Trương Thị X là diện tích đất 3.100m^2 nối các điểm 7, 8, 9,10,11 thuộc thửa 66, tờ bản đồ 03, loại đất BHK và diện tích đất 2.218m^2 nối các điểm 3,4,5,6 thuộc thửa 67, tờ bản đồ 03, loại đất BHK, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 ngày 29/01/2024 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp cho ông Nguyễn Văn H

Ông Nguyễn Văn H được quản lý sử dụng di sản của cụ ông Nguyễn Văn Y, cụ bà Trương Thị X, là diện tích đất 3.100m^2 nối các điểm 7, 8, 9,10,11 thuộc thửa 66, tờ bản đồ 03, loại đất BHK và diện tích đất 2.218m^2 nối các điểm 3,4,5,6 thuộc thửa 67, tờ bản đồ 03, loại đất BHK, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 ngày 29/01/2024 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp cho ông Nguyễn Văn H.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn lại kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị N số tiền 145.323.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn lại kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Trần Minh T1 số tiền 145.323.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế với ông Nguyễn Văn H. Ông H có nơi cư trú trên địa bàn xã C, tỉnh An Giang, phần đất tọa lạc xã C, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Người đại diện của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ1, người đại diện của Ngân hàng, người đại diện của Văn phòng C2, ông Bùi Thanh H1 có văn bản xin vắng mặt; bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị V (Nguyễn Thị V1), Nguyễn Trọng T2 (Nguyễn Trung T3), người đại diện của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh

Đ1-Chi nhánh khu vực liên xã C) vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thụ lý yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 ngày 29/01/2024, cấp cho ông Nguyễn Văn H, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang có công văn số 920/TA-KTNV ngày 30/8/2024 đã xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đương sự yêu cầu hủy là được cấp lần hai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa ông Bùi Thanh H1 là người thuê đất đang tranh chấp vào tham gia tố tụng. Do ông H1, ông H không khởi kiện tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất cho nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] Đối với việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 ngày 29/01/2024, cấp cho ông Nguyễn Văn H, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ1 có công văn số 476 ngày 23/4/2025 xác định, việc Văn phòng Đ1 - Chi nhánh C1 thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn H là đúng trình tự, tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: ông H kê khai nhận thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất theo chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Y kê khai và được cấp giấy chứng nhận ngày 09/5/1990. Ngày 12/12/2023 ba người con của ông Y gồm bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc B1, ông Nguyễn Văn H ký vào văn bản phân chia di sản thừa kế, phân chia toàn bộ diện tích đất trên giấy cho ông Nguyễn Văn H. Văn bản phân chia di sản thừa kế được Văn phòng C5 ngày 12/12/2023. Ngày 29/01/2024, ông Nguyễn Văn H được Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp giấy chứng nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng, Văn phòng đăng ký đất đai căn cứ vào tờ thuận phân của ba người con của ông Y, không đầy đủ những người thừa kế (không có bà Nguyễn Thị Ấ, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị G và người thừa kế của ông Nguyễn Văn S ký tên) để chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H là không đúng quy định, rõ ràng trái pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật đất đai được hướng dẫn tại giải đáp số 64 thì việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Cho nên, khi giải quyết tranh chấp mà người nhận chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan đăng ký đất đai căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Cho nên, trong trường hợp này, Tòa án không cần phải hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 ngày 29/01/2024, cấp cho ông Nguyễn Văn H mà Tòa án

xác định quyền sử dụng đất vẫn còn là di sản của ông Nguyễn Văn Y.

[6] Đối với việc ông H đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 – Chi Nhánh A - Phòng G1 vay số tiền: 200.000.000 đồng. Thời hạn: 12 tháng, ngày vay: 28/02/2025 đến hạn 28/02/2026. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DN 381046, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CNO5908 do Văn phòng Đ1 cấp ngày 29/01/2024. Ngân hàng không có ý kiến về tranh chấp cho nên đây là quyền định đoạt khởi kiện của đương sự. Vì vậy, việc ông H thế chấp tài sản để vay tiền của Ngân hàng, Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[7]Về xác định người thừa kế: Cụ ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2008), cụ bà là Trương Thị X (chết năm 2008). Cụ Y, cụ X có 09 người con là Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ấ, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn S (ông S chết năm 2002. Ông Nguyễn Trần Minh T1 là con ruột duy nhất của ông S, do ông S chết trước ông Y, bà X, nên ông T1 là người thừa kế thế vị), cụ Y, cụ X không có nhận con nuôi. Cho nên, Tòa án xác định những người thừa kế của cụ Y, cụ X gồm: Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ấ, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị G, Nguyễn Trần Minh T1.

[8] Về xác định di sản

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha là cụ Y, cụ X đã tạo lập được quyền sử dụng đất diện tích khoảng 6.918m^2, loại ĐM, căn nhà sàn bằng gỗ thao lao, vách ván, mái lợp ngói chiều ngang khoảng 6m, chiều dài khoảng 18m gắn liền với đất tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Ngoài ra, trên đất còn có nhà mồ, mộ cha mẹ và ông S diện tích khoảng 500m^2. Nhà và đất hiện do ông H cùng vợ và các con quản lý sử dụng và trồng rẫy. cụ Y, cụ X chết không lập di chúc để lại phần di sản của ông bà cho bất cứ ai, yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật như sau: đối với căn nhà gắn liền với diện tích đất ngang 6m dài 18 m = 96m^2 không yêu cầu chia mà dùng để làm nơi thờ cúng cha mẹ và diện tích đất nhà mồ, mộ cha, mẹ, ông S khoảng 500m^2. Tổng diện tích không yêu cầu là 500m^2, còn lại diện tích khoảng 6.322m^2 yêu cầu chia thành 09 kỹ phần bằng nhau. Sau khi có kết quả đo đạc, theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C1 lập ngày 17/6/2024 đo vẽ, thể hiện diện tích đất đang tranh chấp là 5.318m^2, thuộc thửa số 66, 67, tờ bản đồ số 03 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 29/01/2024. Bà N khởi kiện, với yêu cầu Tòa án chia diện tích đất 5.318m^2, thành 09 kỷ phần, phần bà N được hưởng là 590m^2, yêu cầu được nhận giá trị đất.

Ông Nguyễn Trần Minh T1 là con ruột duy nhất của ông S, do ông S chết trước ông Y, bà X, nên ông T1 là người thừa kế thế vị, yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật diện tích đất là 5.318m^2 (2.218m^2 + 3.100m^2), thuộc thửa số 66, 67, tờ bản đồ số 03, thành 09 kỷ phần, phần ông T1

được hưởng là 590m^2, yêu cầu được nhận giá trị đất. Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CN05908 cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 29/01/2024, lý do đây là di sản của ông bà nội để lại, khi ông H kê khai cấp quyền sử dụng đất không được sự đồng ý ký tên của ông T1. Ông T1 không tranh chấp đối với phần đất diện tích 860m^2, 953m^2 và các diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm diện tích 683m^2 và diện tích 786m^2.

Các đương sự đều xác nhận phần đất đang tranh chấp và phần đất mà Tòa án thực hiện đo đạc theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C1 thực hiên là đúng thực tế, Kết quả đo đạc thể hiện, cụ thể: Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C1 lập ngày 17/6/2024: Diện tích đất 3.100m^2 nối các điểm 7, 8, 9,10,11 thuộc thửa 66, tờ bản đồ 03, loại đất BHK; Diện tích đất 2.218m^2 nối các điểm 3,4,5,6 thuộc thửa 67, tờ bản đồ 03, loại đất BHK. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 ngày 29/01/2024 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp cho ông Nguyễn Văn H. Như vậy, tổng diện tích đất tranh chấp trong vụ án là 5.318m^2 (2.218m^2 + 3.100m^2), thuộc thửa số 66, 67, tờ bản đồ số 03.

[9] Nguyên đơn, bà N và người liên quan là ông Nguyễn Trần Minh T1 yêu cầu được chia một kỷ phần và xin nhận giá trị; bị đơn ông Nguyễn Văn H không đồng ý chia và đề nghị Tòa án công nhận cho được hưởng toàn bộ phần đất. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cụ ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2008), cụ bà là Trương Thị X (chết năm 2008). Cụ Y, cụ X chết không có để di chúc, căn cứ Điều 645 Bộ luật Dân sự, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông ông H, yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích đất. Tuy nhiên, phần đất hiện do ông H2 đang quản lý sử dụng, bà N, ông T1 xin chia giá trị, vì vậy Hội đồng xét xử giao cho ông H được hưởng toàn bộ hiện vật tài sản và ông H có nghĩa vụ chia giá trị kỷ phần mà các người thừa kế được hưởng.

[10] Về giá trị tài sản tranh chấp, theo chứng thư thẩm định giá số 438-2024/CT-VVAC ngày 06/8/2024 của Công ty cổ phần T6, phần diện tích đất 2.218m^2 có giả trị là 616.604.000đồng, phần diện tích đất 3.100m^2 có giả trị là 691.300.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất lấy giá đã định làm cơ sở giải quyết không yêu cầu định giá lại. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và lấy giá đã định làm cơ sở giải quyết.

[11] Hội đồng xét xử giao cho ông H được hưởng hiện vật tài sản cho nên cần buộc ông H có nghĩa vụ chia giá trị kỷ phần mà các người thừa kế được hưởng cụ thể: diện tích đất 2.218m^2 có giả trị là 616.604.000đồng, phần diện tích đất 3.100m^2 có giả trị là 691.300.000đồng, tổng giá trị là 1.307.904.000đồng. Những người thừa kế của cụ Y, cụ X là 09 người, cho nên, mỗi kỷ phần trị giá: 1.307.904.000đồng : 9 = 145.323.000đồng. Như vậy, ông H là người được hiện vật nên ông H có trách nhiệm chia kỷ phần được hưởng cho các người thừa kế còn lại mỗi người một kỷ phần.

[12] Bà Nguyễn Thị N, được hưởng một kỷ phần thừa kế thành tiền là 145.323.000đồng.

[13] Ông Nguyễn Trần Minh T1 (người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn S), được hưởng một kỷ phần thừa kế thành tiền là 145.323.000đồng.

[14] Trong văn bản phân chia di sản thừa kế ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T đã đồng ý để cho ông H được cấp giấy chứng nhận cho nên ông B, bà T không được phân chia kỹ phần có giá trị là 145.323.000đồng.

[15] Bà Nguyễn Thị Ả, ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị G mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế thành tiền là 145.323.000đồng. Do các ông bà không yêu cầu cho nên Tòa án tạm giao cho ông Nguyễn Văn H được quản lý. Khi có yêu cầu tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[16] Về chi phí: Chi phí tố tụng bà Nguyễn Thị N đã tạm nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 1.000.000đồng, chi phí thẩm định giá là 7.700.000đồng, chi phí đo đạc là 4.641.840đồng + 2.466.720đồng = 7.108.560đồng, tổng cộng là 15.808.560đồng, các đương sự, bà N, ông H, ông T1 là những người được chia tài sản, căn cứ quy định tại Điều 156, 157, 158, 164, 165 và 166 Bộ luật tố Tụng dân sự thì những người được chia tài sản phải chịu chi phí tương ứng với phần hưởng của mình và hoàn trả cho người đã tạm nộp, cụ thể: bà N phải chịu 1/3 chi phí (15.808.560đồng x 1/3) thành tiền là 5.629.520đồng; ông T1 phải chịu 1/3 chi phí (15.808.560đồng x 1/3) thành tiền là 5.629.520đồng, ông T1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà N số tiền là 5.629.520đồng; ông H phải chịu 1/3 chi phí (15.808.560đồng x 1/3) thành tiền là 5.629.520đồng, ông H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà N số tiền là 5.629.520đồng.

[17] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị N là người người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 156, 157, 158, 164, 165, 166, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 609, 610, 611, 649, 651, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 236 Luật đất đai;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Trần Minh T1 và xử như sau:

1) Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Trần Minh T1 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 ngày 29/01/2024, cấp cho ông Nguyễn Văn H, do việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Cơ quan đăng ký đất đai căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

2) Về di sản: Di sản của cụ ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2008), cụ bà là Trương Thị X (chết năm 2008), Tòa án giải quyết trong vụ án này tài sản là phần đất tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh An Giang, theo kết quả thẩm định của Tòa án và Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C1 lập ngày 17/6/2024: Diện tích đất 3.100m^2 nối các điểm 7, 8, 9,10,11 thuộc thửa 66, tờ bản đồ 03, loại đất BHK; Diện tích đất 2.218m^2 nối các điểm 3,4,5,6 thuộc thửa 67, tờ bản đồ 03, loại đất BHK. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 ngày 29/01/2024 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp cho ông Nguyễn Văn H. Như vậy, tổng diện tích đất tranh chấp trong vụ án là 5.318m^2 (2.218m^2 + 3.100m^2), thuộc thửa số 66, 67, tờ bản đồ số 03. Giá trị tài sản là 1.307.904.000đồng.

3) Hàng thừa kế của cụ ông Nguyễn Văn Y (chết năm 2008), cụ bà là Trương Thị X (chết năm 2008). Cụ Y, cụ X có 09 người con là Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ả, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn S (ông S chết năm 2002. Ông Nguyễn Trần Minh T1 là con ruột duy nhất của ông S, do ông S chết trước ông Y, bà X, nên ông T1 là người thừa kế thế vị), cụ Y, cụ X không có nhận con nuôi. Cho nên, Tòa án xác định những người thừa kế của cụ Y, cụ X gồm: Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ả, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị G, Nguyễn Trần Minh T1.

4) Tài sản là di sản được chia như sau: Ông Nguyễn Văn H được phân chia và được quản lý sử dụng di sản của cụ ông Nguyễn Văn Y, cụ bà Trương Thị X, là diện tích đất 3.100m^2 nối các điểm 7, 8, 9,10,11 thuộc thửa 66, tờ bản đồ 03, loại đất BHK; Diện tích đất 2.218m^2 nối các điểm 3,4,5,6 thuộc thửa 67, tờ bản đồ 03, loại đất BHK. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN05908 ngày 29/01/2024 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp cho ông Nguyễn Văn H. Phần đất tọa lạc xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang.

5) Kỷ phần hưởng thừa kế của mỗi người có giá trị là 145.323.000đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Trần Minh T1 (người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn S) mỗi người một kỷ phần di sản thành tiền là 145.323.000đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Tạm giao cho ông Nguyễn Văn H quản lý giá trị phần của bà Nguyễn Thị Ả, ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị G mỗi người một kỷ phần di sản thành tiền là 145.323.000đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C1 lập ngày 17/6/2024 là một bộ phận không thể tách rời bản án.

6) Về chi phí:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá, chi phí đo đạc là 1.756.500đồng (Bằng chữ: Một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Bà N đã nộp đủ;

- Ông Nguyễn Trần Minh T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá, chi phí đo đạc là 1.756.500đồng (Bằng chữ: Một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Do bà N đã tạm nộp, cho nên Tòa án buộc ông Nguyễn Trần Minh T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá, chi phí đo đạc là 1.756.500đồng (Bằng chữ: Một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá, chi phí đo đạc là 12.295.500đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Do bà N đã tạm nộp, cho nên Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá, chi phí đo đạc là 12.295.500đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

7) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8) Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N là người người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí;

- Ông Nguyễn Trần Minh T1 phải chịu án phí là 7.266.000đồng (Bằng chữ: Bảy triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) đối với phần giá trị tài sản

được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.386.000đồng (Bằng chữ: Bảy triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0015790 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A); Ông Nguyễn Trần Minh T1 được nhận lại số tiền 120.000đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí là 7.266.000đồng (Bằng chữ: Bảy triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) đối với phần giá trị tài sản được chia.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng